

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/12/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2	7.25	19	0		18	0	

TTBBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 618	ETD: 08:30
FLIGHT: 1	TO: TD2	CREW: Phương - MTuấn	ETA: 11:30
DO-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ XUÂN VANG	TD2					80	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN KHOA THI	TD2	14-15	2	13	77	71	DUNG QU.	Vietnamese
3	LÊ HỒNG GIANG	TD2	16	1	5		63	DUNG QU.	Vietnamese
4	DƯƠNG PHU QUYNH	TD2	12-13	2	15		54	DUNG QU.	Vietnamese
5	PHAN VĂN DŨNG	TD2	17	1	8		51	DUNG QU.	Vietnamese
6	BUI THỌ DƯƠNG	TD2	06	1	8	20	60	KHOAN	Vietnamese
7	TRỊNH QUỐC KHANH	TD2	07	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
8	ĐINH DUY HAI	TD2	10	1	9		72	KHOAN	Vietnamese
9	PHAN VĂN DIỆP	TD2					81	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN KHÁC HÀ TRUNG	TD2	04	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ VINH THUẬT	TD2	09	1	3		76	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ VĂN ĐOAI	TD2	03	1	5		79	KHOAN	Vietnamese
13	HOANG VIỆT LINH	TD2	02	1	8		100	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN VĂN MINH	TD2	18	1	10		63	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ VĂN THUY	TD2	08	1	7		66	KHOAN	Vietnamese
16	NG. MẠNH CƯỜNG*CAM-PVDT	TD2	01	1	4		58	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN ĐỨC NGƯ-PVD	TD2	11	1	11		73	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ VĂN NAM	TD2					82	KHOAN	Vietnamese
19	KLY	TD2	05	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	19	18	125	1.345	97	18		
TOTAL		19	18	125	1.345	97	18		
WEIGHT KG				125	1.345	97			

GRAND TOAL: 1.567 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 13/12/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CTK3+BK20+P2	7:25	12+5+5	0+0+0		1+0+15	0+0+0	CHUYEN 6 CTK3-BK20
2		TD5+BK4	7:25	16+6+0	0+0+0		9+12+1	0+0+0	
3		TTCl+P2+CTK3	9:25	2+8+12	0+0+0		0+6+16	0+0+0	
4									

TTDBSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: CTK3 - BK20 - P2	CREW: Hạnh - Mạnh - MQUÂN	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUU VIET DUNG	CTK3	34	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
2	LE HOANG LONG	CTK3	32-33	2	13		74	KH-THAC	Vietnamese
3	CAO DUC CUONG	CTK3	29-31	3	20		75	KH-THAC	Vietnamese
4	PANKRATOV	CTK3	36	1	12	60	100	ANTOAN	Russian
5	PHAM VAN TU	CTK3	35	1	5		59	PSV	Vietnamese
6	LE DAM	CTK3	38	1	2		65	PSV	Vietnamese
7	TRAN DINH MINH	CTK3	37	1	3		82	PSV	Vietnamese
8	VU NGOC TU	BK20	37	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TIEN QUY	BK20	45	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN THANH TRUNG	BK20	36	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN KHAC THANH CHUNG	BK20	86	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
12	LUU THE ANH	BK20	46	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN LEM	P2				35	65	CODIEN	Vietnamese
14	HOANG XUAN DONG	P2	05	1	10		58	PSV	Vietnamese
15	TRAN NGOC QUANG	P2	08-09	2	6		70	PSV	Vietnamese
16	VU VAN TIEN	P2	03	1	8		69	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN VAN SA	P2	06	1	5	20	68	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN VAN NAM	P2					70	PSV	Vietnamese
19	TRAN MINH THUAN	P2	07	1	5		72	PSV	Vietnamese
20	HOANG VAN DOANH	P2	04	1	4		64	PSV	Vietnamese
21	LE TIEN LOI	P2	02	1	3		72	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN TIEN TEO	P2	01	1	5		53	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	7	10	62	535	60	1	6	CHUYEN 6 PAX TU CTK3 SANG BK20
2	BK20	5	5	45	367	0	0		
3	P2	10	9	46	661	55	15		
TOTAL		22	24	153	1.563	115	16		
WEIGHT KG				153	1.563	115			

GRAND TOAL: 1.831 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: TD5 - BK4	CREW: Khang - MTHAO - Toan	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN MANH THU	TD5	70	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
2	THAI VIET DINH	TD5	57	1	8	35	68	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG XUAN THI	TD5	68	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
4	HOANG VAN KHAI	TD5	75	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN HOANH VU	TD5	79	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
6	HOANG NGOC DANH	TD5	67	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
7	LE TIEN DUNG	TD5	69	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
8	LE HUY TIEN HAI	TD5	60	1	6		68	KHOAN	Vietnamese
9	ĐẶNG MINH KHAI	TD5	62	1	5		84	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN TUAN	TD5	71	1	5		54	KHOAN	Vietnamese
11	NG. VAN PHAT*CAM-PVDT	TD5	74	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN NGA	TD5	73	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
13	PHAM NGOC DUNG	TD5	58	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
14	TRINH ĐAC MINH	TD5	61	1	10		74	KHOAN	Vietnamese
15	ĐẠO THE VU	TD5	59	1	8		73	KHOAN	Vietnamese
16	NGO VAN SON	TD5	64	1	10		82	KHOAN	Vietnamese
17	LE HUYNH TRUNG	TD5	63	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN QUANG ANH	TD5	72	1	8		68	ANTOAN	Vietnamese
19	TRAN QUANG UT	TD5	76-77	2	18		74	HDONG	Vietnamese
20	VU ANH HIEU	TD5	78	1	14		64	HDONG	Vietnamese
21	VO TAN HOA	TD5	65-66	2	15		69	HDONG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	21	23	158	1.481	35	19		
2	BK4	0	0	0	0	40	1		
TOTAL		21	23	158	1.481	75	20		
WEIGHT KG				158	1.481	75			

GRAND TOAL: 1.714 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 3	TO: TTC1 - P2 - CTK3	CREW: Hạnh - Mạnh - MQUÂN	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM NGỌC PHƯƠNG	TTC1	02	1	9	25	74	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC MINH	TTC1	03	1	11		63	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC LINH	P2	30	1	3		67	PSV	Vietnamese
4	TRẦN MẬU SƠN	P2	40	1	5		73	PSV	Vietnamese
5	HUỲNH ĐỨC NGHỊ	P2	41	1	5		58	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC QUY	P2	42	1	5		78	PSV	Vietnamese
7	PHAN VĂN HỒNG	P2	31	1	5		64	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TÍNH	P2	23-24	2	16	140	78	COKHI	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG TUÂN	P2	29	1	10		68	COKHI	Vietnamese
10	NGUYỄN TRI PHUOC	P2	21	1	5		70	COKHI	Vietnamese
11	PHẠM PHI BAO	P2	800	1	4		63	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN KIM NGOC	P2	28	1	5		70	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN DINH PHONG	P2	25	1	7		87	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN KIẾN	P2	26	1	5		73	KHI	Vietnamese
15	LE PHƯƠNG DAT	P2	27	1	5		70	KHI	Vietnamese
16	LE QUANG THANG	P2	22	1	7		70	KHI	Vietnamese
17	LE QUANG HA	CTK3	43	1	7		73	PSV	Vietnamese
18	TRẦN VĂN HUU	CTK3	46	1	5		63	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN DANG TUNG	CTK3	44	1	8		68	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN HUY HIEU	CTK3	45	1	4		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	2	2	20	137	25	0		
2	P2	14	15	87	989	140	0		
3	CTK3	4	4	24	264	0	22		
TOTAL		20	21	131	1.390	165	22		
WEIGHT KG				131	1.390	165			

GRAND TOAL: 1.686 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN